

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	<i>Chủ đầu tư là: Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH. Đại diện bởi: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Công ty Lưới điện cao thế Tp. HCM</i> - Địa chỉ : 113 Phở Quang, Phường Tân Sơn Hòa - Tp.HCM - Giấy phép đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/7/2022. - Số điện thoại: 22.476.270, số fax: 38.459.954 - Tài khoản : 0602 6734 8688 – Tại ngân hàng Sacombank – CN Phú Nhuận – PGD Phở Quang – Tp.HCM. - Mã số thuế: 0300951119-016 - Người đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Khanh - Chức vụ: Giám đốc (Giấy ủy quyền số 3028/UQ-EVNHCMC ngày 30/6/2022 của Tổng Công ty Điện lực Tp.HCM)
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: TBA 110kV Bến Cát, TBA 110kV Thới Hoà và TBA 110kV Bình An, TP.HCM
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: không
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH. Đại diện bởi: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Công ty Lưới điện cao thế Tp. HCM Địa chỉ: 113 Phở Quang, Phường Tân Sơn Hòa - Tp.HCM Điện thoại: 22.476.270 Fax: 38.459.954

	Địa chỉ email: Ldct@gmail.com
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Nhà thầu vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 05 phần trăm (5%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. - Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa

	vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Nhà thầu.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: <i>trộn gói</i>
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: cố định
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép . Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	– Tạm ứng: Số tiền tạm ứng: 20% giá hợp đồng (trước thuế GTGT và không bao gồm chi phí dự phòng). <i>Việc tạm ứng thực hiện theo Điều 18 - Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.</i> – Hồ sơ tạm ứng: 03 bộ chính hoặc 01 bộ chính + 02 bộ sao y công chứng hoặc sao y đơn vị phát hành gồm: + Văn bản đề nghị tạm ứng. + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo Mẫu quy định trong hợp đồng). + Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng với số tiền đề nghị tạm ứng do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo Mẫu quy định trong hợp đồng). + Chứng từ bảo hiểm: hợp đồng bảo hiểm phải có hiệu lực và giấy chứng nhận bảo hiểm, các tài liệu chứng minh đã

	thanh toán phí bảo hiểm theo quy định của hợp đồng như hóa đơn và chứng từ thanh toán. + Biên bản bàn giao mặt bằng hoặc Thông báo khởi công. – Thời gian tạm ứng: trong vòng 14 ngày làm việc khi Nhà thầu xuất trình đủ các hồ sơ tạm ứng. – Bảo lãnh tạm ứng: + Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. + Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: • Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. • Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. • Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. • Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. – Hoàn trả tiền tạm ứng:
--	---

	+ Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi theo tỷ lệ tương ứng ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng. + Trường hợp, tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư. + Tỷ lệ thu hồi = Giá trị tạm ứng/ (80% x Giá trị hợp đồng) Số tiền tạm ứng được thu hồi = giá trị nghiệm thu x tỷ lệ thu hồi.
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau: A. Điều kiện thanh toán (i) Hình thức thanh toán: chuyển khoản. (ii) Thanh toán giai đoạn: Chủ đầu tư thanh toán lũy kế đến 90% giá trị nghiệm thu (sau khi khấu trừ tạm ứng) trong vòng 14 ngày làm việc sau khi chủ đầu tư nhận được các hồ sơ theo quy định của hợp đồng. (iii) Thanh toán khi hoàn thành (có Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng đối với gói thầu cung cấp VTTB và Xây lắp; có Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục đối với gói thầu xây lắp): Thanh toán lũy kế đến 95% giá trị quyết toán khi nhà thầu nộp bảo lãnh thực hiện bảo hành công trình cho chủ đầu tư theo quy định tại khoản D mục E-ĐKC 13.1 (giá trị bảo hành dựa trên giá trị hợp đồng và giá trị phụ lục hợp đồng). (iv) Thanh toán khi có báo cáo kiểm toán quyết toán hoàn thành: Thanh toán lũy kế 100% giá trị quyết toán sau kiểm toán. B. Hồ sơ thanh toán: (i) Hồ sơ thanh toán giai đoạn - Văn bản đề nghị thanh toán (03 bản chính). - Hóa đơn thuế giá trị gia tăng khối lượng nghiệm thu giai đoạn (VAT8%). - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo HĐ (<i>Theo các quy định hiện hành</i>) (06 bộ).

	- Bảng quyết toán VTTB A cấp giai đoạn (nếu có). - Bảng xác nhận khối lượng thanh toán giai đoạn (06 bộ). - Biên bản nghiệm thu giai đoạn (06 bộ). Hồ sơ nghiệm thu giai đoạn (04 bộ, đính kèm danh mục hồ sơ), gồm: - Hồ sơ kiểm tra chất lượng các loại vật tư, thiết bị trước khi lắp đặt. - Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, lắp đặt thiết bị. - Biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng. - Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng. - Hồ sơ sửa đổi thiết kế (nếu có). (ii) Hồ sơ thanh toán quyết toán - Văn bản đề nghị thanh toán (03 bản chính). - Hóa đơn thuế giá trị gia tăng khối lượng nghiệm thu hoàn thành (VAT8%). - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo HĐ (<i>Theo các quy định hiện hành</i>) (06 bộ). - Bảng quyết toán VTTB A cấp (nếu có – 06 bộ). - Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành (06 bộ). - Phiếu thu hồi vật tư cũ (nếu có). - BB nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. * Hồ sơ quyết toán hoàn thành gồm các tài liệu sau: Hồ sơ hoàn công (06 bộ gồm 01 bộ chính + 05 bộ photo, đính kèm danh mục hồ sơ, số hóa thành file pdf) – Theo phụ lục VIB (danh mục hồ sơ hoàn thành) ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. C. Thời hạn thanh toán: Sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định của hợp đồng, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc. D. Bảo hành công trình: - Hình thức bảo hành: thư bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận
--	---

	để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bảo hành theo mức: 5% giá trị hợp đồng (trong bảo lãnh bảo hành cần ghi rõ nội dung: “Trước khi hết hạn bảo hành 10 ngày, Ngân hàng phải yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp giấy xác nhận Nhà thầu đã hoàn tất công tác bảo hành theo quy định của hợp đồng. Sau khi có giấy xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành công tác bảo hành thì Ngân hàng mới giải tỏa bảo lãnh bảo hành cho Nhà thầu”) – Nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành. – Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Nhà thầu theo thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu
--	---

	không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành. - Yêu cầu về bảo hành: Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Trong thời gian bảo hành, Chủ đầu tư cần thông báo cho Nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của Nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của Nhà thầu trong khoảng thời gian do chủ đầu tư quy định. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư quy định (việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này), Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà thầu sẽ phải hoàn trả chi phí này. E. Thanh lý hợp đồng: Sau khi công trình hoàn thành, đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư và Nhà thầu căn cứ vào Hồ sơ mời thầu, Hợp đồng, các Phụ lục Hợp đồng, quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền để thanh lý Hợp đồng theo quy định.
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: có áp dụng <i>Trường hợp áp dụng thì phải dẫn chiếu tới phụ lục Hợp đồng về giảm trừ thanh toán.</i>
E-ĐKC 15	<i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i> - Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng. - Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại. - Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. 1. Phạt vi phạm hợp đồng :Áp dụng <i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i> Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì

	Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 5% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót. 1. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng” Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau: - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: không
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: không.
E-ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Theo dự án đầu tư được duyệt. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 07 ngày.
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày.
E-ĐKC 22.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. - Giải quyết tranh chấp: Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm nỗ lực giải quyết các bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp.

	Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau: Nếu hai bên không đạt được sự thống nhất để giải quyết tranh chấp, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Trung tâm trọng tài thương mại TP Hồ Chí Minh hoặc tại Tòa Án Nhân dân TP.Hồ Chí Minh có thẩm quyền. Mọi chi phí phát sinh qua quá trình kiện tụng tại Toà án sẽ do bên thua kiện chịu. Thay đổi thủ tục xử lý tranh chấp: Mọi thay đổi về xét xử tranh chấp phải được hai bên thống nhất bằng văn bản trước khi tiến hành xử lý tranh chấp.
--	---